

BẢNG GHI ĐIỂM THI
Hội đồng thi: THPT Kỹ thuật Việt Trì

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm U.T	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
1	001	040001	NGUYỄN BÌNH AN	Nam	29/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,1	0,00	3,50	1,75	3,00	
2	001	040002	NGUYỄN TRƯỜNG AN	Nam	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,4	0,00	5,00	4,25	5,50	
3	001	040003	TRẦN THẢO AN	Nữ	24/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,9	0,00	6,00	2,50	2,00	
4	001	040004	BÙI NAM ANH	Nam	17/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,1	0,00	4,50	1,75	2,50	
5	001	040005	CAO THỊ MAI ANH	Nữ	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,4	0,00	5,50	2,25	2,25	
6	001	040006	ĐÀO VIỆT ANH	Nam	25/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,7	0,00	4,50	2,75	3,75	
7	001	040007	ĐẶNG VIỆT ANH	Nam	08/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,0	6,8	0,00	5,75	2,50	2,50	
8	001	040008	ĐỖ HOÀNG ANH	Nam	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,8	7,1	0,00	5,25	2,00	3,00	
9	001	040009	ĐỖ LAN ANH	Nữ	08/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,5	8,2	0,00	6,00	6,50	7,25	
10	001	040010	HOÀNG ANH	Nam	23/08/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	TB	10,0	6,1	0,00	5,50	2,50	5,75	
11	001	040011	HOÀNG LAN ANH	Nữ	30/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,7	6,4	0,00	7,00	3,50	3,00	
12	001	040012	KIM THỊ MAI ANH	Nữ	27/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,6	7,0	0,00	6,50	3,00	3,75	
13	001	040013	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,8		0,00	6,25	2,00	3,25	
14	001	040014	LÊ THỊ VIỆT ANH	Nữ	12/09/2004	Trạm y tế xã Bá Hiến	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,4	0,00	7,50	2,75	2,75	
15	001	040015	NGÔ HOÀNG ANH	Nam	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,7	0,00	4,25	4,00	1,50	
16	001	040016	NGÔ HÙNG ANH	Nam	15/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,4	0,00	3,75	2,75	2,75	
17	001	040017	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	24/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,6	0,00	6,25	4,25	3,75	
18	001	040018	NGUYỄN NGỌC MINH ANH	Nữ	25/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	7,0	0,00	5,25	3,75	4,25	
19	001	040019	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG ANH	Nữ	15/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	7,25	7,75	2,75	
20	001	040020	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	7,0	0,00	7,00	4,00	2,75	
21	001	040021	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	21/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,0	0,00	6,25	4,50	4,00	
22	001	040022	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,5	0,00	7,00	5,75	6,75	
23	001	040023	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	8,1	0,00	6,25	5,75	7,00	
24	001	040024	PHẠM TUẤN ANH	Nam	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,1	0,00	5,75	2,50	4,00	
25	002	040025	PHÙNG THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	27/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,4	0,00	6,00	2,50	2,00	
26	002	040026	PHÙNG VIỆT ANH	Nam	04/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,6	0,00	5,00	5,75	4,00	
27	002	040027	TRẦN NGUYỆT ANH	Nữ	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,6	0,00	4,75	2,50	1,25	
28	002	040028	VŨ QUỐC ANH	Nam	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,6	0,00	4,00	2,75	3,00	
29	002	040029	NGUYỄN HỒNG ÁNH	Nữ	29/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,2	0,00	5,25	3,25	4,00	
30	002	040030	NGUYỄN NGỌC ÁNH	Nữ	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,9	0,00	3,25	2,75	2,75	
31	002	040031	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	13/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	6,9	0,00	5,50	2,00	2,50	
32	002	040032	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,7	0,00	6,75	3,75	2,75	
33	002	040033	PHẠM NGỌC ÁNH	Nữ	27/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,3	0,00	5,00	3,75	2,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
34	002	040034	TRIỆU NGỌC ÁNH	Nữ	13/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,0	6,1	0,00	2,00	2,00	1,25	
35	002	040035	HOÀNG CHI BÁCH	Nam	01/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,7	0,00	5,75	4,50	6,00	
36	002	040036	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	17/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,6	0,00	4,50	4,50	4,75	
37	002	040037	BÙI XUÂN BẮC	Nam	23/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7		0,00	5,25	4,00	5,25	
38	002	040038	NGUYỄN THANH BÌNH	Nữ	04/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,9	0,00	7,25	4,00	5,75	
39	002	040039	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	Nữ	10/05/2004	Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	14,8	7,5	0,50	4,75	3,00	6,00	DT;
40	002	040040	NGUYỄN TIÊU BÌNH	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	8,0	0,00	6,50	4,50	5,25	
41	002	040041	PHÙNG QUỐC BÌNH	Nam	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,7	0,00	3,75	3,50	7,75	
42	002	040042	TRẦN ĐỨC BÌNH	Nữ	13/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,0	0,00	2,00	3,50	1,75	
43	002	040043	PHÙNG NGỌC BÍCH	Nữ	23/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,8	0,00	6,50	3,00	3,25	
44	002	040044	NGUYỄN THỊ HÀO CÁCH	Nữ	12/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,3	0,00	3,75	2,00	6,75	
45	002	040045	TRẦN HÀ BẢO CHÂU	Nữ	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,3	0,00	6,25	5,75	5,00	
46	002	040046	NGUYỄN NGỌC KIM CHI	Nữ	19/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,6	0,00	2,50	2,75	1,75	
47	002	040047	HOÀNG MẠNH CHIẾN	Nam	16/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,00	5,75	3,50	3,25	
48	002	040048	NGUYỄN MINH CHIẾN	Nam	20/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,8	0,00	4,25	3,75	5,25	
49	003	040049	NGUYỄN VĂN CHIẾN	Nam	27/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,8	0,00	3,75	2,75	1,75	
50	003	040050	LƯU THỊ HUYỀN CHINH	Nữ	11/06/2004	Ba Vì	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,6	0,00	4,50	3,25	2,00	
51	003	040051	CAO QUỐC CHUNG	Nam	01/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,1	0,00	4,00	2,50	2,00	
52	003	040052	HOÀNG BẢO CHUNG	Nam	05/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,8	0,00	5,25	4,75	2,50	
53	003	040053	NGUYỄN TIẾN CHUNG	Nam	26/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,6	0,00	4,25	2,75	4,75	
54	003	040054	LÊ CHÍ THÀNH CÔNG	Nam	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,6		0,00	6,00	4,50	2,75	
55	003	040055	ĐỖ MẠNH CƯỜNG	Nam	05/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,4	0,00	2,75	1,75	3,00	
56	003	040056	NGÔ XUÂN CƯỜNG	Nam	28/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	12,1	6,1	0,00	5,50	3,00	3,00	
57	003	040057	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	Nam	03/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,7	0,00	5,00	2,50	2,75	
58	003	040058	NGUYỄN THỊ MAI DIỄN	Nữ	02/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,4	0,00	5,50	1,00	1,50	
59	003	040059	NGUYỄN THỊ LỆ DIỄM	Nữ	17/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,8	0,00	5,75	3,75	4,25	
60	003	040060	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	16/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,4	0,00	6,50	5,25	5,50	
61	003	040061	HOÀNG PHƯƠNG DIỆU	Nữ	02/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,2	0,00	6,00	4,25	2,75	
62	003	040062	KIỀU CÔNG DOANH	Nam	02/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	6,00	2,50	2,00	
63	003	040063	LÊ THỦY DUNG	Nữ	18/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,2	0,00	5,75	2,00	5,25	
64	003	040064	NGÔ THỊ DUNG	Nữ	25/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,0	0,00	5,00	3,00	4,25	
65	003	040065	NGUYỄN THỦY DUNG	Nữ	26/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,5	0,00	6,00	3,50	5,50	
66	003	040066	ĐỖ ĐỨC DUY	Nam	06/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	7,1	0,00	4,25	3,00	4,00	
67	003	040067	HOÀNG ĐỨC DUY	Nam	01/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	5,50	5,25	5,25	
68	003	040068	NGÔ ĐỨC DUY	Nam	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,6	0,00	6,00	6,00	7,75	
69	003	040069	NGUYỄN VĂN DUY	Nam	30/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	5,9	0,00	4,75	2,00	1,75	
70	003	040070	LÃ THU DUYÊN	Nữ	04/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,8	0,00	5,00	2,25	1,75	
71	003	040071	ĐẶNG TRÍ DỪNG	Nam	16/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,8	6,4	0,00	5,25	4,25	3,00	
72	003	040072	KIỀU CHÍ DỪNG	Nam	13/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,5	0,00	4,50	4,50	7,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
73	004	040073	KIỀU MẠNH DŨNG	Nam	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,6	6,2	0,00	4,50	1,75	2,00	
74	004	040074	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,3	6,9	0,00	5,25	2,25	3,75	
75	004	040075	NGUYỄN CHÍ DŨNG	Nam	28/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,3	0,00	5,25	2,75	4,50	
76	004	040076	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	22/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,4	0,00	3,00	4,00	4,75	
77	004	040077	NGUYỄN VIỆT DŨNG	Nam	04/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	5,7	0,00	3,00	2,00	1,50	
78	004	040078	PHẠM ANH DŨNG	Nam	17/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,3	0,00	4,50	2,50	6,00	
79	004	040079	ĐÀO KHÁNH DƯƠNG	Nam	07/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,4	5,5	0,00	2,75	1,50	1,75	
80	004	040080	ĐỖ QUANG DƯƠNG	Nam	15/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,8	0,00	5,50	3,25	2,75	
81	004	040081	LÊ ĐỨC DƯƠNG	Nam	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,4	6,2	0,00	3,75	5,50	6,75	
82	004	040082	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG	Nam	25/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,1	0,00	6,00	4,50	6,75	
83	004	040083	NGUYỄN MINH DƯƠNG	Nam	17/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	6,00	3,00	5,00	
84	004	040084	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	27/10/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	4,50	2,25	2,50	
85	004	040085	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	17/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,5	6,9	0,00	6,50	3,50	4,75	
86	004	040086	NGUYỄN THÙY DƯƠNG	Nữ	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,0		0,00	8,25	6,25	3,50	
87	004	040087	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	Nam	14/01/2004	Hà Nội	Kinh	Khá	TB	9,6	5,9	0,00	4,50	3,25	4,00	
88	004	040088	PHÙNG ÁNH DƯƠNG	Nữ	21/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,00	5,50	1,75	2,25	
89	004	040089	TẠ MINH DƯƠNG	Nam	14/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,9	0,00	5,25	2,50	3,25	
90	004	040090	NGUYỄN THỊ BÍCH ĐÀO	Nữ	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,1	0,00	4,75	2,25	3,00	
91	004	040091	ĐÀO XUÂN ĐÀI	Nam	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,4	5,9	0,00	3,75	2,00	3,00	
92	004	040092	LÃ NGỌC ĐÀI	Nam	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,8	0,00	6,50	3,75	5,25	
93	004	040093	LÊ QUỐC ĐÀI	Nam	08/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,8	0,00	5,25	4,75	3,00	
94	004	040094	NGUYỄN HÙNG ĐÀI	Nam	30/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,3	5,0	0,00	4,50	1,75	1,75	
95	004	040095	LÊ QUÝ ĐẠT	Nam	13/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	7,3	0,00	5,00	6,00	2,50	
96	004	040096	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	Nam	03/08/2004	BV Đồng Nai	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,1	0,00	4,75	1,50	1,25	
97	005	040097	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,6	6,0	0,00	3,25	3,00	3,50	
98	005	040098	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	04/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	5,25	3,50	3,25	
99	005	040099	ĐẶNG ĐÌNH HẢI ĐĂNG	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,1	0,00	4,75	1,75	6,50	
100	005	040100	HOÀNG KHÁNH ĐĂNG	Nam	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	6,75	3,50	6,75	
101	005	040101	PHAN HẢI ĐĂNG	Nam	05/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,5	0,00	3,75	2,75	5,50	
102	005	040102	TẠ QUANG ĐỊNH	Nam	29/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,5	0,00	5,75	3,25	2,75	
103	005	040103	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	Nam	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	3,25	2,75	2,25	
104	005	040104	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	Nam	16/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,8	5,1	0,00	2,75	2,75	2,75	
105	005	040105	ĐÀO XUÂN ĐỘ	Nam	15/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	3,25	1,50	3,00	
106	005	040106	BÙI MẠNH ĐỨC	Nam	19/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,1	0,00	4,50	3,00	3,00	
107	005	040107	ĐIỀU QUÝ ĐỨC	Nam	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,6	0,00	3,00	1,75	4,50	
108	005	040108	ĐỖ QUANG ĐỨC	Nam	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,9	0,00	5,50	4,75	7,25	
109	005	040109	HOÀNG MINH ĐỨC	Nam	11/10/2004	Yên Bái	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,4	0,00	5,75	4,75	5,50	
110	005	040110	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	09/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,5	0,00	4,75	2,75	4,75	
111	005	040111	TRẦN QUANG ĐỨC	Nam	05/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,3	0,00	6,50	4,00	2,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
112	005	040112	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG	Nữ	22/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3		0,00	6,00	2,75	3,25	
113	005	040113	CAO XUÂN GIANG	Nam	21/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,9	5,8	0,00	5,00	2,75	3,00	
114	005	040114	DƯƠNG THỊ KIỀU GIANG	Nữ	14/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,8	0,00	6,75	4,25	3,50	
115	005	040115	HOÀNG HƯƠNG GIANG	Nữ	22/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,7	0,00	5,75	2,25	4,75	
116	005	040116	NGUYỄN THU GIANG	Nữ	02/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,6	0,00	6,50	2,50	4,00	
117	005	040117	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,2	0,00	4,75	3,50	1,75	
118	005	040118	NGUYỄN VŨ CẨM GIANG	Nữ	24/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,6	0,00	7,00	5,00	5,00	
119	005	040119	PHẠM THỊ GIANG	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,3	0,00	5,50	3,00	4,00	
120	005	040120	ĐÀO THỊ THU HÀ	Nữ	13/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,1	0,00	5,25	3,00	3,00	
121	006	040121	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,8	8,1	0,00	6,25	7,50	4,25	
122	006	040122	NGUYỄN THU HÀ	Nữ	16/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,1	0,00	7,00	2,00	2,75	
123	006	040123	TẠ THỊ THU HÀ	Nữ	27/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,6	0,00	6,75	2,25	2,50	
124	006	040124	NGUYỄN MẠNH HẢO	Nam	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,6	0,00	6,25	2,25	8,00	
125	006	040125	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	03/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,4	0,00	7,00	3,50	6,50	
126	006	040126	NGUYỄN ĐỨC HẢI	Nam	28/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,8	0,00	4,75	2,75	4,50	
127	006	040127	VŨ ĐỨC HẢI	Nam	20/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7		0,00	6,75	5,75	3,75	
128	006	040128	VŨ HOÀNG HẢI	Nam	23/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,1	0,00	5,75	7,00	5,75	
129	006	040129	NGUYỄN XUÂN HẢO	Nam	10/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9	7,6	0,00	6,25	6,25	8,00	
130	006	040130	LÊ NHẬT HẠ	Nữ	09/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,6	0,00	6,25	3,25	3,50	
131	006	040131	NGUYỄN THỊ THÚY HANH	Nữ	14/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,8	0,00	7,75	4,00	3,25	
132	006	040132	HOÀNG THỊ THU HẰNG	Nữ	08/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,4	0,00	7,25	5,75	3,25	
133	006	040133	NGUYỄN THỊ MỸ HẰNG	Nữ	04/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,6	0,00	6,25	4,25	4,00	
134	006	040134	TRIỆU THÚY HẰNG	Nữ	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,9	0,00	4,75	3,25	2,00	
135	006	040135	CHU THẢO HIỀN	Nữ	22/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,4	5,9	0,00	3,75	4,00	1,75	
136	006	040136	ĐINH THÚY HIỀN	Nữ	27/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,3	0,00	4,75	3,75	2,25	
137	006	040137	LÊ THÚY HIỀN	Nữ	27/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,6	0,00	7,25	4,75	4,00	
138	006	040138	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	21/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,7	0,00	6,50	3,50	2,25	
139	006	040139	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	24/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,7	0,00	7,00	2,75	2,50	
140	006	040140	NGUYỄN THÚY HIỀN	Nữ	02/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,00	7,50	4,75	2,50	
141	006	040141	TRIỆU THU HIỀN	Nữ	06/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,1	6,1	0,00	6,25	3,75	1,75	
142	006	040142	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	27/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,2	0,00	5,50	3,00	3,50	
143	006	040143	DƯƠNG CÔNG HIẾU	Nam	27/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,6	0,00	5,50	3,00	4,00	
144	006	040144	HOÀNG TRỌNG HIẾU	Nam	12/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,0	0,00	5,75	2,00	3,50	
145	007	040145	LÊ ĐĂNG HIẾU	Nam	14/06/2004	BV phụ sản trung ương	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,1	0,00	6,00	5,00	2,50	
146	007	040146	NGUYỄN DUY HIẾU	Nam	21/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	4,00	6,75	3,25	
147	007	040147	PHẠM ĐĂNG HIẾU	Nam	22/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,1	5,8	0,00	3,50	2,75	5,00	
148	007	040148	TẠ TRUNG HIẾU	Nam	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,2	0,00	6,50	4,00	6,75	
149	007	040149	TRẦN TRUNG HIẾU	Nam	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,3	6,2	0,00	4,50	5,50	2,75	
150	007	040150	VŨ TRUNG HIẾU	Nam	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,8	0,00	3,25	7,00	3,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
151	007	040151	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Nam	09/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,9	0,00	5,50	4,00	4,00	
152	007	040152	TRẦN MẠNH HIỆP	Nam	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,7	0,00	6,00	4,00	3,50	
153	007	040153	TRIỆU ĐÌNH HIỆP	Nam	23/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	5,9	0,00	5,00	3,25	2,00	
154	007	040154	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA	Nữ	02/04/2004	Trạm Y tế Vạn Khánh	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,0	0,00	7,25	4,75	6,25	
155	007	040155	VŨ MAI HOA	Nữ	07/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,3	0,00	7,25	5,00	4,50	
156	007	040156	VŨ THỊ THANH HOA	Nữ	11/01/2004	Trạm Y tế Vạn Khánh	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,5	0,00	6,25	3,00	2,00	
157	007	040157	NGUYỄN VĂN HOAN	Nam	21/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,8	0,00	4,50	3,50	6,50	
158	007	040158	BÙI HUY HOÀNG	Nam	29/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,4	1,50	2,25	2,50	2,00	CĐH;
159	007	040159	ĐẶNG VIỆT HOÀNG	Nam	21/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	7,5	0,00	6,25	2,50	1,50	
160	007	040160	NGUYỄN CAO HOÀNG	Nam	13/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,2	0,00	3,75	1,75	3,75	
161	007	040161	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	21/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,9	8,6	0,00	5,25	8,25	7,25	
162	007	040162	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,9	0,00	4,25	3,50	3,25	
163	007	040163	PHẠM ĐỨC HOÀNG	Nam	01/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,2	6,3	0,00	5,25	1,75	2,00	
164	007	040164	PHÙNG TIẾN HOÀNG	Nam	01/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,1	0,00	6,00	3,75	3,75	
165	007	040165	TẠ HỮU HOÀNG	Nam	08/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,3	0,00	4,00	4,75	1,75	
166	007	040166	VŨ NHẬT HOÀNG	Nam	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,5	0,00	5,00	3,00	2,75	
167	007	040167	ĐÀO THỊ THANH HÒA	Nữ	16/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	14,9	8,2	0,00	7,75	6,75	2,25	
168	007	040168	NGUYỄN THANH HÒA	Nữ	01/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,7	6,6	0,00	5,75	3,50	2,50	
169	008	040169	NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	27/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,9	0,00	5,00	4,00	2,75	
170	008	040170	NGUYỄN VIỆT HÒA	Nam	04/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,4	0,00	3,75	3,00	2,50	
171	008	040171	PHẠM QUANG HÒA	Nam	07/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,9	0,00	5,50	5,00	7,00	
172	008	040172	LÊ QUANG HỒNG	Nam	03/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,9	0,00	5,00	3,75	7,75	
173	008	040173	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	Nữ	18/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,0	0,00	4,75	1,75	2,50	
174	008	040174	NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,4	8,3	0,00	7,00	4,00	7,00	
175	008	040175	ĐỖ MINH HUẤN	Nam	19/09/2004	Hà Tây	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,5	0,00	4,50	4,50	4,75	
176	008	040176	NGUYỄN NGỌC HUẤN	Nam	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,4	0,00	5,50	3,00	6,50	
177	008	040177	TRIỆU THỊ HUẤN	Nữ	05/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,0	0,00	5,00	2,25	4,00	
178	008	040178	ĐÀO THỊ HUỆ	Nữ	24/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,3	0,00	5,75	4,25	3,25	
179	008	040179	NGUYỄN HỒNG HUỆ	Nữ	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	5,75	3,50	5,00	
180	008	040180	HOÀNG LƯƠNG HUY	Nam	17/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,5	0,00	1,75	1,75	3,00	
181	008	040181	KIỀU QUANG HUY	Nam	02/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,5	0,00	2,00	3,00	2,75	
182	008	040182	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,5	0,00	3,00	3,00	3,25	
183	008	040183	NGUYỄN QUANG HUY	Nam	12/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,2	0,00	5,75	3,50	5,25	
184	008	040184	NGUYỄN TIẾN HUY	Nam	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	6,8	0,00	3,50	3,25	4,50	
185	008	040185	PHẠM NGỌC HUY	Nam	18/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4		0,00	2,50	3,00	1,75	
186	008	040186	PHẠM QUANG HUY	Nam	28/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	4,50	3,25	5,75	
187	008	040187	TẠ QUANG HUY	Nam	07/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,5	7,0	0,00	5,50	3,50	2,75	
188	008	040188	TẠ QUANG HUY	Nam	21/08/2004	Thái Nguyên	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,9	0,00	6,75	3,50	3,00	
189	008	040189	VŨ DUY HUY	Nam	22/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,5	0,00	3,75	3,25	6,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
190	008	040190	CAO THỊ THANH HUYỀN	Nữ	28/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,9	6,5	0,00	6,00	2,50	2,50	
191	008	040191	ĐÀO THANH HUYỀN	Nữ	09/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	7,0	0,00	4,75	1,25	2,75	
192	008	040192	ĐINH THỊ THU HUYỀN	Nữ	05/04/2004	Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,4	7,1	0,50	6,50	3,00	4,00	DT;
193	009	040193	HOÀNG THU HUYỀN	Nữ	23/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,7	0,00	4,00	3,75	2,50	
194	009	040194	KIỀU THỊ HUYỀN	Nữ	12/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,7	0,00	7,00	4,50	4,75	
195	009	040195	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	14/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	7,3	0,00	5,00	2,75	3,00	
196	009	040196	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	Nữ	31/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,1	0,00	6,50	3,00	4,25	
197	009	040197	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,8	0,00	3,75	2,50	4,25	
198	009	040198	PHÙNG THU HUYỀN	Nữ	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,8	0,00	4,25	4,00	3,75	
199	009	040199	TẠ THỊ THU HUYỀN	Nữ	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,9	0,00	5,75	2,75	2,00	
200	009	040200	TRIỆU THỊ MAI HUYỀN	Nữ	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,7	0,00	4,75	2,50	2,75	
201	009	040201	ĐÀO MẠNH HÙNG	Nam	17/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,3	5,8	0,00	2,75	1,25	1,25	
202	009	040202	HOÀNG HÙNG	Nam	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,7	0,00	3,50	3,50	4,50	
203	009	040203	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	08/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,1	0,00	5,25	2,50	3,00	
204	009	040204	NGUYỄN TIỀN HÙNG	Nam	28/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,4	5,8	0,00	3,00	2,50	2,25	
205	009	040205	NGUYỄN TIỀN HÙNG	Nam	16/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,00	6,50	2,75	7,50	
206	009	040206	KHUẤT VĂN HÙNG	Nam	05/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,1	0,00	4,75	3,25	5,50	
207	009	040207	NGUYỄN NGỌC HÙNG	Nam	15/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,0	0,00	2,75	3,50	3,75	
208	009	040208	NGUYỄN QUANG HÙNG	Nam	03/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,9	0,00	6,25	2,00	6,25	
209	009	040209	NGUYỄN TIỀN HÙNG	Nam	27/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,1	0,00	5,75	2,00	6,00	
210	009	040210	PHAN TUẤN HÙNG	Nam	25/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,2	6,4	0,00	5,50	3,50	6,25	
211	009	040211	PHẠM QUANG HÙNG	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,2	0,00	3,25	7,75	8,00	
212	009	040212	BÙI THỊ THU HƯƠNG	Nữ	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	6,50	2,25	3,25	
213	009	040213	DƯƠNG THU HƯƠNG	Nữ	14/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,3	0,00	5,75	1,75	3,50	
214	009	040214	ĐÀO THU HƯƠNG	Nữ	10/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,7	6,5	0,00	4,75	1,75	3,75	
215	009	040215	ĐÁI THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	06/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	7,1	0,00	4,25	2,75	2,50	
216	009	040216	ĐỖ LAN HƯƠNG	Nữ	29/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,4	0,00	5,75	2,50	3,50	
217	010	040217	LÊ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	05/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,3	0,00	5,50	8,00	7,50	
218	010	040218	NGUYỄN LAN HƯƠNG	Nữ	30/12/2004	Phú Thọ	Cao Lan	Khá	TB	10,1	5,5	0,50	3,00	1,50	2,25	DT;
219	010	040219	NGUYỄN LÊ SÔNG HƯƠNG	Nữ	05/06/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	Giỏi	15,4	8,2	0,00	7,00	4,25	3,50	
220	010	040220	NGUYỄN MAI HƯƠNG	Nữ	17/12/2004	Liên Bang Nga	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,0	0,00	2,75	4,25	3,00	
221	010	040221	NGUYỄN MỸ HƯƠNG	Nữ	23/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,9	0,00	5,25	2,75	4,00	
222	010	040222	NGUYỄN THỊ LINH HƯƠNG	Nữ	03/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,6	0,00	5,25	2,00	3,50	
223	010	040223	PHẠM LÊ XUÂN HƯƠNG	Nữ	09/05/2004	TT Y Tế huyện Dạ Huoi	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,8	0,00	4,75	2,25	3,75	
224	010	040224	PHÙNG THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	18/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,7	0,00	7,25	5,50	5,25	
225	010	040225	TẠ THỊ THU HƯƠNG	Nữ	12/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,8	0,00	4,00	2,00	4,75	
226	010	040226	TRIỆU THU HƯƠNG	Nữ	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,7	0,00	5,00	2,50	3,75	
227	010	040227	TẠ THỊ HƯƠNG	Nữ	24/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,6	0,00	5,25	1,50	2,75	
228	010	040228	LÊ QUỐC KHÁNH	Nam	20/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	5,25	5,00	2,25	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
229	010	040229	NGUYỄN DUY KHÁNH	Nam	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,4	0,00	3,50	1,75	3,50	
230	010	040230	NGUYỄN SỸ KHÁNH	Nam	12/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	6,8	0,00	3,50	4,25	4,00	
231	010	040231	NGUYỄN VĂN KHÁNH	Nữ	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,1	0,00	7,00	1,25	4,00	
232	010	040232	ĐỖ VĂN KHẢI	Nam	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,8	8,3	0,00	6,75	2,75	7,50	
233	010	040233	LÃ QUANG KHẢI	Nam	27/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,4	0,00	3,25	2,25	6,25	
234	010	040234	NGUYỄN NGỌC KHÔI	Nam	20/01/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	12,0	7,1	0,00	5,25	3,25	4,50	
235	010	040235	HOÀNG TRUNG KIÊN	Nam	25/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	7,0	0,00	5,50	3,75	4,25	
236	010	040236	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	16/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	6,50	2,25	6,75	
237	010	040237	HOÀNG NGỌC LAN	Nữ	05/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,9	0,00	5,00	3,50	2,25	
238	010	040238	NGUYỄN THU LAN	Nữ	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,0	0,00	3,50	3,25	4,00	
239	010	040239	TRẦN ĐÌNH LÂM	Nam	08/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,4	0,00	5,75	4,25	3,75	
240	010	040240	VI THÀNH LÂM	Nam	04/12/2004	BV phụ sản trung ương	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,6	0,00	6,50	7,00	4,00	
241	011	040241	PHẠM THÀNH LÂN	Nam	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	8,8	5,6	1,00	3,00	5,50	3,00	CTB2;
242	011	040242	KIỀU THỊ HỒNG LIÊN	Nữ	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,00	6,00	3,00	2,00	
243	011	040243	BÙI THỊ HỒNG LINH	Nữ	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,7	0,00	7,50	4,00	4,25	
244	011	040244	CAO QUANG LINH	Nam	11/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,9	0,00	6,00	6,00	4,75	
245	011	040245	CAO THỊ TRÀ LINH	Nữ	31/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,6	0,00	3,50	2,50	4,00	
246	011	040246	CHU THỊ KHÁNH LINH	Nữ	09/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,4	0,00	6,50	4,25	2,75	
247	011	040247	ĐÀO NHẬT LINH	Nam	21/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,5	6,3	0,00	6,25	3,75	1,75	
248	011	040248	ĐÌNH THỊ KIỀU LINH	Nữ	23/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,6	0,00	5,75	3,25	3,75	
249	011	040249	ĐỖ THỊ THÙY LINH	Nữ	28/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,2	0,00	7,00	3,00	3,25	
250	011	040250	ĐỖ THỊ THÚY LINH	Nữ	27/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,5	0,00	5,00	2,75	1,75	
251	011	040251	HẠ NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	11/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	6,5	0,00	7,75	3,25	4,75	
252	011	040252	HOÀNG THỊ THÙY LINH	Nữ	06/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,8	5,8	0,00	5,00	3,25	2,00	
253	011	040253	LÊ THỊ NGỌC LINH	Nữ	17/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	7,0	0,00	5,00	4,25	3,50	
254	011	040254	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	06/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,1	0,00	6,25	3,00	2,50	
255	011	040255	LÊ THỊ THÙY LINH	Nữ	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,0	0,00	6,00	1,50	2,00	
256	011	040256	LUU DIỆU LINH	Nữ	29/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,3	0,00	3,75	2,50	2,25	
257	011	040257	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	17/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,7	5,9	0,00	2,75	1,50	3,75	
258	011	040258	NGUYỄN NHẬT LINH	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,2	0,00	4,75	2,50	3,25	
259	011	040259	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	Nữ	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,6	0,00	3,50	2,00	1,75	
260	011	040260	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	05/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,7	0,00	4,00	2,00	1,75	
261	011	040261	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	08/07/2004	Hà Tây	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,3	0,00	3,75	1,50	1,25	
262	011	040262	NGUYỄN THỊ YẾN LINH	Nữ	14/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,4	0,00	6,25	3,00	2,00	
263	011	040263	NGUYỄN TÙNG LINH	Nam	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,6	8,1	0,00	7,50	4,75	5,50	
264	011	040264	PHẠM LÊ PHƯƠNG LINH	Nữ	18/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,3	0,00	6,50	4,00	2,25	
265	012	040265	PHÙNG THỊ NGỌC LINH	Nữ	25/07/2004	Lâm Đồng	Kinh	Tốt	Khá	11,7	6,6	0,00	7,50	2,50	3,50	
266	012	040266	TẠ THỊ THÙY LINH	Nữ	20/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,5	7,0	0,00	6,00	1,25	4,75	
267	012	040267	TẠ TỔ LINH	Nữ	04/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,9	0,00	4,50	4,00	3,75	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
268	012	040268	TỔNG KHÁNH LINH	Nữ	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,0	0,00	6,25	5,75	4,00	
269	012	040269	TRẦN ĐIỀU LINH	Nữ	12/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	8,9	5,9	0,00	4,50	3,50	1,75	
270	012	040270	TRẦN PHƯƠNG LINH	Nữ	23/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,6	0,00	5,25	1,25	1,75	
271	012	040271	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,0	0,00	7,50	4,50	7,50	
272	012	040272	VŨ THỊ THÙY LINH	Nữ	04/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,2	0,00	5,75	3,75	2,75	
273	012	040273	CAO ĐỨC LONG	Nam	24/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,5	0,00	4,00	2,25	4,75	
274	012	040274	DOÃN VIỆT LONG	Nam	22/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,0	0,00	2,25	4,75	3,50	
275	012	040275	GIANG BẢO LONG	Nam	02/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,5	0,00	4,50	5,50	2,25	
276	012	040276	LÊ HOÀNG LONG	Nam	17/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,3	0,00	6,50	3,75	2,50	
277	012	040277	NGUYỄN HOÀNG LONG	Nam	03/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,0	0,00	6,00	4,50	6,00	
278	012	040278	NGUYỄN PHI LONG	Nam	24/06/2004	Sóc Trăng	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,3	0,00	5,75	4,50	4,50	
279	012	040279	PHẠM HOÀNG LONG	Nam	12/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,2		0,00	7,75	4,75	5,75	
280	012	040280	LÊ LỢI LỘC	Nam	21/04/2004	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,6	0,00	7,00	5,50	5,50	
281	012	040281	HÀ ĐỨC LƯƠNG	Nam	05/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,4	6,2	0,00	4,00	2,25	1,75	
282	012	040282	NGUYỄN MINH LƯƠNG	Nam	20/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	6,9	0,00	5,75	4,25	1,75	
283	012	040283	LƯU KHÁNH LY	Nữ	18/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,9	0,00	5,00	3,75	4,25	
284	012	040284	NGUYỄN HẢI LY	Nữ	15/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,5	0,00	4,25	2,75	2,50	
285	012	040285	NGUYỄN PHƯƠNG LY	Nữ	17/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	7,4	0,00	5,00	4,75	2,25	
286	012	040286	NGUYỄN THỊ HƯƠNG LY	Nữ	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,0	0,00	6,75	3,50	2,00	
287	012	040287	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LY	Nữ	19/10/2004	Hà Tây	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,1	0,00	5,25	2,75	4,00	
288	012	040288	PHÙNG KHÁNH LY	Nữ	16/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,00	5,00	3,75	2,75	
289	013	040289	TA PHƯƠNG LY	Nữ	01/12/2004	Hà Tây	Kinh	TB	Khá	13,6	7,0	0,00	6,25	4,50	2,50	
290	013	040290	TRẦN KHÁNH LY	Nữ	15/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,4	0,00	6,50	4,25	4,75	
291	013	040291	HÀ THỊ MAI	Nữ	05/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,7	0,00	6,25	5,25	6,00	
292	013	040292	HOÀNG THỊ NGỌC MAI	Nữ	15/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,8	0,00	5,25	3,00	6,00	
293	013	040293	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	08/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,6	1,00	6,75	5,25	6,50	CTB2;
294	013	040294	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI	Nữ	05/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,3	6,9	0,00	5,00	4,25	5,25	
295	013	040295	TRẦN NGỌC MAI	Nữ	10/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,5	0,00	6,75	4,00	4,00	
296	013	040296	BÙI ĐỨC MẠNH	Nam	06/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,1	0,00	6,25	3,00	5,50	
297	013	040297	ĐÀO ĐỨC MẠNH	Nam	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,1	0,00	3,25	2,50	4,50	
298	013	040298	LÊ ĐỨC MẠNH	Nam	30/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,3	0,00	4,25	2,75	4,25	
299	013	040299	LƯU ĐỨC MẠNH	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,3	0,00	1,75	2,25	2,25	
300	013	040300	NGUYỄN DUY MẠNH	Nam	28/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,2	0,00	5,00	5,50	5,25	
301	013	040301	NGUYỄN MINH MẠNH	Nam	03/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9	6,7	0,00	4,75	3,50	4,00	
302	013	040302	TRẦN QUỐC MẠNH	Nam	28/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,3	0,00	2,00	2,75	2,75	
303	013	040303	TRIỆU VĂN MẠNH	Nam	22/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,9	6,7	0,00	3,50	2,00	3,75	
304	013	040304	HOÀNG THỊ HỒNG MÂY	Nữ	24/10/2004	Phú Thọ	Cao Lan	Tốt	Khá	14,0	7,3	0,50	4,75	4,50	4,75	DT;
305	013	040305	NGUYỄN THỊ HỒNG MI	Nữ	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,2	7,5	0,00	6,25	7,00	5,00	
306	013	040306	BÙI QUANG MINH	Nam	25/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,5	0,00	4,25	2,25	2,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
307	013	040307	ĐINH VIỆT MINH	Nam	12/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,3	6,0	0,00	4,25	5,50	4,00	
308	013	040308	KHÔNG QUANG MINH	Nam	07/08/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,7	0,00	3,25	2,25	2,75	
309	013	040309	KHUẤT ĐỖ NHẬT MINH	Nam	04/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,6	0,00	3,25	4,75	4,50	
310	013	040310	NGUYỄN NGỌC MINH	Nam	04/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,3	0,00	3,50	1,25	0,75	
311	013	040311	PHẠM NHẬT MINH	Nam	19/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,3	7,4	0,00	5,50	3,25	4,00	
312	013	040312	TRIỆU TUẤN MINH	Nam	04/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7		0,00	7,00	2,25	3,75	
313	014	040313	VŨ QUANG MINH	Nam	28/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	4,7	0,00	5,50	4,50	4,75	
314	014	040314	VŨ THANH MINH	Nữ	17/07/2004	Hà Tây	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,3	0,00	4,50	1,00	0,75	
315	014	040315	TRẦN VĂN MUỘI	Nam	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,4	0,00	5,25	5,50	3,75	
316	014	040316	CAO THỊ TRÀ MY	Nữ	05/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,5	0,00	5,50	2,75	2,25	
317	014	040317	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	24/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5	7,7	0,00	7,00	3,00	3,75	
318	014	040318	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	23/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,2	0,00	6,00	2,50	4,00	
319	014	040319	NGÔ THỊ LỆ MỸ	Nữ	25/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,6	6,8	0,00	7,25	6,25	2,50	
320	014	040320	ĐỖ THÀNH NAM	Nam	24/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	7,0	0,00	6,75	5,50	4,50	
321	014	040321	NGUYỄN NGỌC NAM	Nam	29/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,0	0,00	4,75	2,00	3,75	
322	014	040322	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	25/05/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	TB	11,4	7,0	0,00	7,00	3,50	3,25	
323	014	040323	NGUYỄN TUẤN NAM	Nam	06/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,9	0,00	5,50	3,00	2,25	
324	014	040324	TẠ QUANG NAM	Nam	06/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,4	0,00	5,25	3,25	4,50	
325	014	040325	TRẦN HẢI NAM	Nam	18/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	6,25	3,50	3,25	
326	014	040326	HÀ LÊ NGÀ	Nữ	17/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,2	6,4	0,00	4,50	3,25	3,25	
327	014	040327	LÊ KIỀU NGÀ	Nữ	13/11/2004	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,5	0,00	6,25	6,50	6,50	
328	014	040328	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGÀ	Nữ	25/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,1	7,6	0,00	5,00	2,75	6,75	
329	014	040329	PHAN THÚY NGÀ	Nữ	10/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,1	6,4	0,00	5,75	4,75	2,75	
330	014	040330	TRẦN THỊ THÚY NGÀ	Nữ	08/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	7,0	0,00	3,50	3,50	2,25	
331	014	040331	BÙI THỊ KIM NGÂN	Nữ	08/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,5		0,00	7,00	4,25	2,75	
332	014	040332	CAO THỊ KIM NGÂN	Nữ	19/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,5	0,00	5,75	4,00	3,75	
333	014	040333	LÊ KIỀU NGÂN	Nữ	13/11/2004	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	6,25	5,00	5,25	
334	014	040334	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nam	09/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	17,0	8,5	0,00	7,25	7,75	7,25	
335	014	040335	NGUYỄN THÚY NGÂN	Nữ	05/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,4	6,7	0,00	5,50	1,75	4,00	
336	014	040336	PHAN THÚY NGÂN	Nữ	10/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,4	6,4	0,00	5,00	3,75	1,75	
337	015	040337	THIỀU THỊ THÚY NGÂN	Nữ	14/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,3	7,6	0,00	6,00	3,00	4,25	
338	015	040338	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	05/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,4	0,00	3,00	3,00	3,75	
339	015	040339	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	Nam	24/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,0	0,00	1,25	2,25	2,50	
340	015	040340	TRẦN ĐẠI NGHĨA	Nam	20/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	5,8	0,00	4,50	3,00	1,75	
341	015	040341	LÃ HOÀI NGỌC	Nữ	02/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,7	0,00	6,75	3,50	4,00	
342	015	040342	NGUYỄN TRUNG NGỌC	Nam	11/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,2	0,00	5,25	2,50	3,00	
343	015	040343	TRẦN ANH NGỌC	Nam	23/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,4	0,00	5,00	3,50	3,75	
344	015	040344	VŨ THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	20/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,7	7,1	0,00	5,75	2,25	2,25	
345	015	040345	ĐÀO THỊ NGUYỆT	Nữ	07/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	16,6	8,4	0,00	6,00	4,75	7,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
346	015	040346	NGUYỄN KHẮC MINH NGUYỆT	Nữ	11/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,6	0,00	5,75	2,75	5,00	
347	015	040347	NGUYỄN NHƯ NGUYỆT	Nữ	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	7,0	0,00	7,25	4,25	4,00	
348	015	040348	VŨ THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	15/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	8,1	0,00	7,25	5,75	5,50	
349	015	040349	LÊ THU NHÂN	Nữ	05/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,9	8,0	0,00	6,00	6,00	6,75	
350	015	040350	LÊ QUÝ NHÂN	Nam	08/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,4	0,00	2,75	3,25	2,00	
351	015	040351	NGÔ PHÚC NHẬT	Nam	17/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,4	0,00				
352	015	040352	LÃ TRANG NHUNG	Nữ	14/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,7	6,3	0,00	5,00	2,25	1,50	
353	015	040353	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	05/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,1	0,00	6,50	4,25	4,75	
354	015	040354	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	17/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,8	0,00	7,00	3,00	7,50	
355	015	040355	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	22/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,2	0,00	3,25	3,25	2,00	
356	015	040356	TRẦN THỊ PHI NHUNG	Nữ	25/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,8	6,1	0,00	6,25	3,25	2,50	
357	015	040357	TRẦN THỊ TUYẾT NHUNG	Nữ	06/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	6,9	0,00	5,25	2,75	2,00	
358	015	040358	VŨ HỒNG NHUNG	Nữ	11/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	7,0	0,00	5,50	2,75	3,00	
359	015	040359	ĐÀO HUỲNH NHƯ	Nữ	15/07/2004	TT Y tế quận Gò Vấp	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,0	0,00	7,50	2,00	3,25	
360	015	040360	NGUYỄN ÁNH NHƯ	Nữ	02/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,8	0,00	5,75	3,50	3,25	
361	016	040361	VŨ QUANG PHÁT	Nam	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,6	0,00	4,25	1,50	3,50	
362	016	040362	NGUYỄN MINH PHI	Nam	18/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,2	0,00	4,25	5,00	4,50	
363	016	040363	DƯƠNG QUANG PHONG	Nam	06/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	6,8	0,00	5,00	5,75	5,50	
364	016	040364	ĐINH TUẤN PHONG	Nam	23/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	5,50	5,00	5,00	
365	016	040365	LÊ HỒNG PHONG	Nam	18/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,3	0,00	2,50	5,75	6,00	
366	016	040366	NGUYỄN THỊ KIM PHÚ	Nữ	25/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,9	0,00	5,50	2,00	3,50	
367	016	040367	NGUYỄN HỒNG PHÚC	Nữ	19/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	7,5	0,00	4,00	3,75	4,75	
368	016	040368	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	29/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,3	0,00	5,00	3,00	3,00	
369	016	040369	NGUYỄN HÙNG PHƯƠNG	Nam	19/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,1	0,00	4,50	1,75	1,00	
370	016	040370	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	Nữ	01/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,3	0,00	6,00	0,75	1,75	
371	016	040371	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	12/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	7,1	0,00	5,00	5,50	2,25	
372	016	040372	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	Nam	26/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,0	6,3	0,00	5,50	4,50	6,25	
373	016	040373	LÊ ĐĂNG QUANG	Nam	04/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,4	5,7	0,00	5,75	3,25	4,50	
374	016	040374	NGUYỄN VINH QUANG	Nam	12/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,5	0,00	3,00	3,75	2,75	
375	016	040375	TẠ XUÂN QUANG	Nam	11/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,5	0,00	3,75	2,50	3,00	
376	016	040376	ĐÀM MINH QUÂN	Nam	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,9	0,00	5,00	6,25	9,00	
377	016	040377	ĐINH MẠNH QUÂN	Nam	08/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,6	0,00	5,00	3,75	2,50	
378	016	040378	HÀ LÊ ĐỨC QUÂN	Nam	02/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,3	5,4	0,00	2,75	4,25	2,00	
379	016	040379	HOÀNG ANH QUÂN	Nam	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	16,4		0,00	6,00	5,50	7,75	
380	016	040380	NGUYỄN ĐÌNH QUÂN	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,1	0,00	6,00	3,50	4,75	
381	016	040381	NGUYỄN ĐỨC MINH QUÂN	Nam	04/01/2004	Sơn La	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,5	0,00	6,75	5,75	4,75	
382	016	040382	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	30/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,5	0,00	4,50	1,75	3,00	
383	016	040383	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	19/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,3	7,6	0,00	4,50	1,75	3,50	
384	016	040384	NGUYỄN HỒNG QUÂN	Nam	08/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,9	6,6	0,00	4,75	3,00	4,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
385	017	040385	PHẠM MINH QUÂN	Nam	18/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,9	0,00	5,25	6,75	3,75	
386	017	040386	TẠ MINH QUÂN	Nam	12/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	7,2	0,00	5,00	6,50	4,50	
387	017	040387	LÊ NGỌC QUYẾT	Nam	23/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,3	5,8	0,00	1,50	3,75	2,50	
388	017	040388	BÙI HÀ QUỲNH	Nữ	11/11/2004	TP Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,4	0,00	7,50	4,75	6,00	
389	017	040389	HOÀNG THU QUỲNH	Nữ	03/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,2	6,5	0,00	7,25	3,75	3,75	
390	017	040390	HOÀNG TRUNG QUỲNH	Nữ	11/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,9	6,7	0,00	4,25	3,50	3,00	
391	017	040391	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	Nữ	30/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,9		0,00	4,50	3,75	1,75	
392	017	040392	VŨ THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,4	0,00	5,25	3,50	2,00	
393	017	040393	BÙI XUÂN QUÝ	Nam	02/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,0	5,5	0,00	2,00	3,25	2,50	
394	017	040394	NGUYỄN VĂN QUÝ	Nam	05/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,4	5,9	0,00	3,25	5,00	2,25	
395	017	040395	ĐỖ HỒNG SƠN	Nam	04/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,6	5,6	0,00	1,50	2,75	1,25	
396	017	040396	ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Nam	21/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,0	5,8	0,00	3,75	3,75	2,00	
397	017	040397	LUU HỒNG SƠN	Nam	09/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,5	0,00	6,00	3,50	3,00	
398	017	040398	HOÀNG HỒNG TÂM	Nam	24/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,7	0,00	4,25	1,50	3,75	
399	017	040399	NGUYỄN MINH TÂM	Nữ	10/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,9	7,3	0,00	6,00	2,50	3,50	
400	017	040400	NGUYỄN THIÊN TÂM	Nam	12/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9		0,00	5,75	6,25	4,75	
401	017	040401	PHAN THỊ TÂM	Nữ	04/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,5	6,8	0,00	3,75	3,00	3,00	
402	017	040402	ĐÀO NHẬT TÂN	Nam	24/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,7	0,00	3,00	1,25	2,00	
403	017	040403	NGUYỄN VIỆT THANH	Nam	04/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,3	6,9	0,00	5,75	5,50	4,75	
404	017	040404	NGUYỄN CÔNG THÀNH	Nam	29/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,6	7,3	0,00	6,25	4,00	5,75	
405	017	040405	NGUYỄN DUY THÀNH	Nam	24/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,1	0,00	4,00	4,00	5,75	
406	017	040406	NGUYỄN TÂM THÀNH	Nam	01/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,1	6,0	0,00	3,00	7,75	4,00	
407	017	040407	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	30/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,6	6,6	0,00	3,25	1,75	4,75	
408	017	040408	TẠ TIẾN THÀNH	Nam	15/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,6	0,00	6,00	6,00	4,75	
409	018	040409	PHÙNG PHÚ THÁI	Nam	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	6,9	0,00	4,50	3,75	3,50	
410	018	040410	PHÙNG QUANG THÁI	Nam	05/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,7	5,4	0,00	3,50	3,75	1,50	
411	018	040411	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,4	0,00	5,50	5,75	4,50	
412	018	040412	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	25/02/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,4	7,9	0,00	7,00	3,25	5,25	
413	018	040413	LÝ TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	04/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,1	0,00	3,50	3,50	5,25	
414	018	040414	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	Nữ	15/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	7,2	0,00	5,00	4,00	4,25	
415	018	040415	TẠ THANH THẢO	Nữ	14/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,6	0,00	5,75	7,00	5,25	
416	018	040416	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	26/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,9	0,00	5,75	3,50	4,25	
417	018	040417	VŨ BÙI PHƯƠNG THẢO	Nữ	06/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,1	0,00	6,75	4,25	3,25	
418	018	040418	TRIỆU ĐỨC THẮNG	Nam	22/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,1	0,00	3,50	3,75	4,00	
419	018	040419	NGÔ XUÂN THIÊN	Nam	25/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,9	0,00	4,25	2,75	3,50	
420	018	040420	NGUYỄN PHÚ THỌ	Nam	21/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,1	0,00	4,25	3,00	3,75	
421	018	040421	CAO THỊ THƠM	Nữ	17/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,1	6,7	0,00	7,00	2,75	3,50	
422	018	040422	TÔ THÚY THU	Nữ	30/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,7	0,00	6,75	4,25	4,25	
423	018	040423	LÊ THỊ THÙY	Nữ	01/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,5	6,9	0,00	5,50	4,00	2,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
424	018	040424	ĐÀO THANH THÚY	Nữ	23/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,1	7,0	0,00	6,50	3,75	3,25	
425	018	040425	NGUYỄN THU THÚY	Nữ	31/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,8	6,9	0,00	4,00	2,25	3,25	
426	018	040426	HÀN THU THỦY	Nữ	22/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,5	0,00	5,75	3,25	4,00	
427	018	040427	NGUYỄN THANH THỦY	Nữ	19/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,7	0,00	2,75	2,00	1,50	
428	018	040428	VŨ NGÔ THU THỦY	Nữ	29/04/2004	Yên Bái	Kinh	Tốt	Khá	15,7	7,9	0,00	6,00	2,75	7,25	
429	018	040429	TRẦN NGỌC MINH THU	Nữ	24/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,7	0,00	5,50	4,25	5,25	
430	018	040430	NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	Nữ	07/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,2	7,8	0,00	4,75	3,50	2,75	
431	018	040431	LÊ QUANG TIẾN	Nam	01/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,6	0,00	3,75	3,00	3,75	
432	018	040432	VŨ THỊ KIM TIẾN	Nữ	25/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,7	0,00	4,00	3,50	3,00	
433	019	040433	BÙI THỊ TÌNH	Nữ	31/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,7	0,00	5,50	3,75	3,75	
434	019	040434	NGUYỄN QUANG TOÀN	Nam	08/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,2	0,00	6,50	3,75	4,25	
435	019	040435	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	21/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,6	0,00	5,00	3,75	2,50	
436	019	040436	NGUYỄN XUÂN TOÀN	Nam	26/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,0	6,8	0,00	4,50	3,25	4,50	
437	019	040437	LÊ ĐẠI TÔN	Nam	15/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,5	6,0	0,00	3,50	3,00	0,75	
438	019	040438	ĐÀO THU TRANG	Nữ	31/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,7	7,5	0,00	3,50	3,25	4,75	
439	019	040439	HÀ KIỀU TRANG	Nữ	12/10/2004	Hà Nội	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,3	0,00	4,75	4,75	7,50	
440	019	040440	HÀ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	04/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,3	6,0	0,00	6,00	1,25	2,75	
441	019	040441	LÊ QUỲNH TRANG	Nữ	15/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	6,8	0,00	6,75	2,25	2,50	
442	019	040442	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	28/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,4	7,6	0,00	6,25	2,75	2,50	
443	019	040443	LƯU THẢO TRANG	Nữ	20/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,3	0,00	5,00	4,75	3,50	
444	019	040444	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	22/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,7	6,6	0,00	6,75	4,00	3,00	
445	019	040445	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	02/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Giỏi	15,8	8,4	0,00	7,25	6,50	6,00	
446	019	040446	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	Nữ	04/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	6,8	0,00	5,25	3,25	5,00	
447	019	040447	NGUYỄN THU TRANG	Nữ	23/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,6	0,00	7,25	4,75	3,50	
448	019	040448	PHAN THỊ TRANG	Nữ	22/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,6	0,00	4,75	3,00	3,00	
449	019	040449	TRẦN NGỌC KIỀU TRANG	Nữ	15/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,3	6,4	0,00	6,00	4,25	3,25	
450	019	040450	TRỊNH HÀ TRANG	Nữ	13/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,2	6,6	0,00	6,25	3,75	2,75	
451	019	040451	VŨ THỊ MINH TRANG	Nữ	20/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,6	0,00	7,50	5,00	4,75	
452	019	040452	VƯƠNG PHƯƠNG TRANG	Nữ	08/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	7,3	0,00	5,75	5,50	5,25	
453	019	040453	LÊ HƯƠNG TRÀ	Nữ	26/12/2004	Phú Thọ	Mường	Tốt	Khá	13,7	7,6	0,50	6,75	4,75	6,75	DT;
454	019	040454	LÊ QUỐC TRIỆU	Nam	15/07/2004	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	TB	12,8	6,4	0,00	5,25	2,25	3,25	
455	019	040455	HOÀNG QUANG TRỌNG	Nam	10/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	6,6	0,00	4,25	3,25	5,00	
456	019	040456	NGUYỄN ĐỨC TRUNG	Nam	24/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	15,0	7,7	0,00	5,75	3,75	8,50	
457	020	040457	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	Nam	09/04/2004	Lào Cai	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,5	0,00	5,25	3,50	4,50	
458	020	040458	TRẦN ĐAN TRƯỜNG	Nam	07/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	11,8	6,8	0,00	4,50	4,75	5,75	
459	020	040459	ĐÀO QUỐC TUẤN	Nam	24/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,4	7,3	0,00	6,75	3,50	3,50	
460	020	040460	LÃ QUỐC TUẤN	Nam	12/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,8	7,2	0,00	7,25	3,50	3,50	
461	020	040461	LÊ ANH TUẤN	Nam	12/08/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,8	7,5	0,00	4,50	3,75	3,75	
462	020	040462	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	20/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	9,7	5,9	0,00	4,75	2,00	3,50	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
463	020	040463	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	24/03/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,5	7,3	0,00	4,75	3,75	4,50	
464	020	040464	NGUYỄN DUY TUẤN	Nam	18/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,4	7,4	0,00	6,75	4,50	6,00	
465	020	040465	NGUYỄN MANH TUẤN	Nam	08/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,2	6,3	0,00	6,50	3,00	3,00	
466	020	040466	NGUYỄN QUANG TUẤN	Nam	15/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,2	6,8	0,00	6,25	3,25	4,25	
467	020	040467	TRẦN ANH TUẤN	Nam	18/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,0	0,00	6,25	2,50	5,00	
468	020	040468	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	Nữ	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,9	6,6	0,00	5,25	3,00	4,50	
469	020	040469	DƯƠNG THỊ KIM TUYẾN	Nữ	05/09/2004	Bệnh viện phụ sản TW	Kinh	Tốt	TB	12,0	6,5	0,00	4,75	1,75	3,25	
470	020	040470	ĐẶNG THANH TÙNG	Nam	20/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,0	6,9	0,00	5,00	4,75	5,50	
471	020	040471	NGUYỄN MINH TÙNG	Nam	01/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,3	6,8	0,00	3,75	2,50	2,75	
472	020	040472	TA THANH TÙNG	Nam	14/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	12,1	6,3	0,00	5,25	4,00	3,25	
473	020	040473	VŨ XUÂN TÙNG	Nam	08/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,7	6,7	0,00	5,75	3,50	3,25	
474	020	040474	LÊ VĂN TUẤN TÚ	Nam	26/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,3	0,00	5,25	3,00	3,50	
475	020	040475	NGUYỄN TÀI TÚ	Nam	30/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,6	6,8	0,00	5,25	5,75	4,75	
476	020	040476	NGUYỄN VIỆT TÚ	Nam	23/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	9,5	5,7	0,00	4,75	4,75	3,25	
477	020	040477	LÊ QUANG UY	Nam	29/06/2004	Vĩnh Phúc	Kinh	Tốt	Khá	13,8		0,00	6,00	2,25	2,50	
478	020	040478	NGUYỄN THẢO VÂN	Nữ	22/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	6,9	0,00	6,00	2,50	6,75	
479	020	040479	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	Nữ	10/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,1	0,00	5,25	2,00	4,00	
480	020	040480	CAO YẾN VI	Nữ	05/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,1	7,4	0,00	5,75	5,50	3,75	
481	021	040481	NGUYỄN HÀ VI	Nữ	20/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	13,0	7,0	0,00	6,50	3,75	7,25	
482	021	040482	ĐÀO ĐỨC VIỆT	Nam	10/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,0	6,0	0,00	5,00	3,50	4,00	
483	021	040483	ĐINH QUANG VIỆT	Nam	07/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,8	6,7	0,00	3,75	5,75	5,25	
484	021	040484	NGUYỄN DUY VIỆT	Nam	05/05/2004	Bắc Kạn	Kinh	Tốt	Khá	12,7	7,5	0,00	3,50	4,00	6,00	
485	021	040485	NGUYỄN HẢI VIỆT	Nam	31/01/2004	Đồng Nai	Kinh	Tốt	Khá	14,8	7,7	0,00	3,50	3,75	5,50	
486	021	040486	NGUYỄN TIẾN VIỆT	Nam	04/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,9		0,00	5,75	4,75	4,00	
487	021	040487	TA QUỐC VIỆT	Nam	06/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,5	7,2	0,00	3,75	6,00	4,25	
488	021	040488	NGUYỄN TUẤN VINH	Nam	06/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,6	6,3	0,00	4,75	3,50	3,00	
489	021	040489	NGUYỄN TIẾN VUI	Nam	06/12/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,3	6,0	0,00	1,75	3,25	2,50	
490	021	040490	LÊ NGỌC ANH VŨ	Nam	28/09/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	10,9	6,0	0,00	4,50	2,75	3,00	
491	021	040491	NGUYỄN MẠNH VŨ	Nam	20/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,5	5,9	0,00	3,75	4,00	4,25	
492	021	040492	NGUYỄN VĂN VŨ	Nam	22/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	10,9	6,1	0,00	3,00	4,00	1,75	
493	021	040493	HOÀNG GIA VƯỢNG	Nam	25/07/2004	Phú Thọ	Kinh	Khá	TB	11,7	6,4	0,00	5,00	5,00	3,50	
494	021	040494	NGUYỄN QUANG VƯỢNG	Nam	20/10/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,2	6,9	0,00	5,75	6,00	4,00	
495	021	040495	NGUYỄN TIẾN VƯỢNG	Nam	14/02/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,0	6,2	0,00	3,50	4,50	2,75	
496	021	040496	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	Nữ	27/01/2004	TP Hồ Chí Minh	Kinh	Tốt	Khá	13,9	7,6	0,00	7,50	5,50	6,75	
497	021	040497	THÂM THỊ THANH XUÂN	Nữ	30/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,1	6,2	0,00	4,50	2,75	2,50	
498	021	040498	NGUYỄN THỊ HỒNG XUYẾN	Nữ	15/01/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,7	7,2	0,00	5,50	2,25	3,50	
499	021	040499	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	06/05/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	14,0	7,5	0,00	6,00	2,50	4,00	
500	021	040500	CAO NGỌC YẾN	Nữ	06/11/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	12,6	7,0	0,00	7,75	6,00	2,75	
501	021	040501	DƯƠNG THỊ HẢI YẾN	Nữ	10/06/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	TB	11,9	6,6	0,00	7,25	3,50	3,00	

Stt	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	HK	HL	Điểm TBmôn Toán+ Ngữ văn 9	ĐTBcn 9	Điểm UT	Điểm thi			Ghi chú
													Ngữ văn	Tiếng Anh	Toán	
502	021	040502	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	04/04/2004	Phú Thọ	Kinh	Tốt	Khá	13,6	7,1	0,00	6,50	2,75	4,00	

Bảng này có 502 thí sinh đăng ký dự thi trong đó có:

+ Môn Ngữ văn có: 501 thí sinh dự thi.

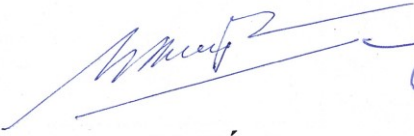
+ Môn Tiếng Anh có: 501 thí sinh dự thi.

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM VÀ IN



Nguyễn Quốc Hương

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN



Hoàng Lê Tiến Dũng



Phạm Hồng Sơn

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Phùng Quốc Lập

Phú Thọ, ngày 13 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC



Trịnh Thế Truyền

Trang 14 / 14